

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Hảo
2/ Bà Nguyễn Thị Phẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2024/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **VŨ HỮU L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1976; nơi sinh tại Quảng Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Nơi ở hiện tại: tổ 10 - Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: Số nhà 03, phố Hồng Hà, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Số CCCD: 022076001134 cấp ngày 10/7/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH- Bộ Công an; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty than V; Theo Quyết định số 2212/QĐ-TBM ngày 10/10/2023 của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B về việc tạm thời cho Vũ Hữu L - Giám đốc kinh doanh than V thôi quyền điều hành sản xuất kinh doanh, kể từ 10/10/2023; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên, Bí thư Đảng ủy Công ty than V, bị Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 1603-QĐ/ĐUK ngày 19/10/2023 của Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh P; bố đẻ: Vũ Hữu T - sinh năm 1949; mẹ đẻ: Ngô Thị N-sinh năm 1953; anh, chị, em: có 03 anh, chị, em. Bị cáo là thứ 2; Vợ: Vũ Quỳnh N - sinh năm 1984; con: có 02 con. Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2023;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023. Hiện đang tại ngoại tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: **TRẦN NGỌC H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1985; nơi sinh tại huyện Lâm Thao, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: tổ 47, khu Tiên Phú, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Khi phạm tội là Trưởng phòng Kế toán tài chính-

Kế Toán trưởng Công ty than V; trình độ văn hóa: 12/12; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty kinh doanh than V; Bị Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 1604-QĐ/ĐUK ngày 19/10/2023 của Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh P; bố đẻ: Trần Quốc H, sinh năm 1960; mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; anh, chị, em: có 02 anh, em; Bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Đặng Lưu Ngọc H, sinh năm 1989; Con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023. Hiện đang tại ngoại tại phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P.

3. Họ và tên: **NGUYỄN THUỖ L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1987; nơi sinh tại thành phố V, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: tổ 16, phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: khi phạm tội là cán bộ Phòng Tổ chức hành chính- Công ty than V; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Duy Huệ - sinh năm 1961; mẹ đẻ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1960; anh, chị, em: có 02 người; Bị cáo là con thứ hai; chồng: Vũ Văn Đ - sinh năm 1983; con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P

4. Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1974; nơi sinh tại huyện Tam Dương, tỉnh V; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: thôn Phú Thị, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh V; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948; mẹ đẻ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1952; anh, chị, em: có 02 người; Bị cáo là con thứ nhất; vợ: Trần Thị Nguyệt H, sinh năm 1978; con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh V

5. Họ và tên: **HOÀNG THỊ THU H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1986; nơi sinh tại huyện Tam Nông, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: khu 3, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Không; bố đẻ: Hoàng Văn T - sinh năm 1957; mẹ đẻ: Tạ Thị B - sinh năm 1957; anh, chị, em: có 04 người; Bị cáo là con thứ ba; chồng: Vũ Trung Đ - sinh năm 1983; con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017;

- Tiền án, sự: không.

- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P

6. Họ và tên: **NGUYỄN THU H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1987; nơi sinh tại thành phố V, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 12, phố Hoà Bình, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P; Nơi ở hiện tại: tổ 15, phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng Công ty xăng dầu Thuỵ Dương; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Không; bố đẻ: Nguyễn Anh T - sinh năm 1962 (đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1961; anh, chị, em: có 02 người; Bị cáo là con thứ nhất; chồng: Lưu Viết C - sinh năm 1979; con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013;

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P

7. Họ và tên: **ĐINH TIẾN D**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1990; nơi sinh tại thành phố V, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Nơi ở hiện tại: tổ 3, khu Hồng Hà, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Không; bố đẻ: Đinh Quốc H - sinh năm 1963; mẹ đẻ: Đỗ Thị Y - sinh năm 1963; anh, chị, em: có 02 người; Bị cáo là con thứ hai; vợ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1994; con: có 02 con; Con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020;

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại khu Hồng Hà, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P

(Các bị cáo có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty CPKD Than Miền B – VINACOMIN (có mặt)

Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường PH Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Công ty TNHH Venus V 9 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Thị, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh V

3. Công ty kinh doanh than V (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P.

4. Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 14B, phố Anh D, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P.

5. Công ty cổ phần Du lịch – Dịch vụ - TH Mại P (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17A đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh P.

6. Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1983. ĐT 0835881881 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P.

7. Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1975 ĐT: 0987406868 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh P.

8. Anh Trần Quyết T, sinh năm 1981 ĐT: 0974899486 (có mặt)

Địa chỉ: Số 330, phố Phạm Đình Hồ, đường Quang Trung, phường Hội Hợp, thành phố V, tỉnh V.

9. Chị Lê Thị PH T, sinh năm 1982 ĐT: 0962908155 (có mặt)
Địa chỉ: Khu 4, phường Vân Phú, thành phố V, tỉnh P.
10. Anh Triệu Tiến Đ, sinh năm 1996ĐT 0369065062 (có mặt)
Địa chỉ: Khu 2A, phường Nông Trang, thành phố V, tỉnh P.
11. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1984 ĐT: 0948047822 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 16, phường Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P.
12. Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1984 ĐT 0912296727 (có mặt)
Địa chỉ: Khu 1 thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh P.
13. Chị Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1974 ĐT 0858464666 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, thành phố V, tỉnh P.
14. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961 (Giám đốc Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương) ĐT: 0903448387 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 529 đường Hoàng Hoa Thám, phường V, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
15. Công ty cổ phần BCN SĐT 0986679978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Thổ Tang, huyện V, tỉnh V.
16. Công ty TNHH tH mại dịch vụ VietBlue SĐT 0989185344 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 1, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh P.
17. Công ty TNHH Gốm sứ H SĐT 0977102484 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, Giang Cao, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
18. Công ty TNHH 2 thành viên TN Hùng Vương SĐT 0978718702 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu H Trầm, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh P.
19. Ông Trương Xuân T SĐT 0914465568 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 16B phố Đoàn Kết, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P.
20. Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi SĐT: 0902205385 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, phố Việt Hiệp, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P.
21. Bà Nguyễn Thị Ngọc B SĐT 0989593250 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 1, xã Sông Lô, thành phố V, tỉnh P
22. Công ty TNHH TM P SĐT 0964233433 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu Châu Phong, phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh P
23. Chị Dương Thị L SĐT 0342433455 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, khu Liên Minh, phường Minh PH, thành phố V, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty kinh doanh than V(sau đây gọi là Công ty than V) có trụ sở tại phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh P cấp Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh năm 2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/8/2020. Là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh than miền B - Vinacomin

(Công ty than miền B). Công ty than miền B là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), do TKV nắm giữ 67,44% cổ phần. TKV là doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty than V là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có tổ chức hạch toán kế toán riêng để xác định lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác trừ đi giá thành toàn bộ của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động khác trong kỳ của Công ty. Lợi nhuận của Công ty than V (chênh lệch nội bộ) được hạch toán nộp tập trung 100% về Công ty than Miền B để xác định kết quả chung toàn Công ty than Miền B.

Công ty than V được Công ty than Miền B ủy quyền và giao nhiệm vụ thay mặt cho Công ty than Miền B thực hiện các công việc: Kinh doanh than, sản phẩm ngoài than và các công việc kinh doanh khác. Công ty than V phải nộp chênh lệch nội bộ (kết dư chênh lệch giữa doanh thu với chi phí phát sinh tại Công ty than V) về Công ty than Miền B và được Công ty than Miền B thanh toán phí dịch vụ. Mức nộp chênh lệch nội bộ, mức phí dịch vụ thanh toán được ghi cụ thể trong kế hoạch giao khoán hàng năm của Công ty than Miền B.

Nguồn kinh phí hoạt động từ hoạt động kinh doanh của Công ty kinh doanh than V sau khi trích nộp đầy đủ chênh lệch nội bộ phải nộp Công ty than Miền B theo đúng kế hoạch được giao khoán và thực hiện tiết kiệm để đảm bảo các khoản chi phí tại đơn vị. Việc chi phải đúng theo Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B ban hành kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2013 và Quyết định số 650/QĐ-TMB ngày 10/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty than Miền B.

Vũ Hữu L được Công ty than Miền B bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty than V từ ngày 01/8/2020. Quá trình điều hành và quản lý tại Công ty than V, do muốn nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong công ty và mở rộng mối quan hệ với các khách hàng của công ty than V, Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H - Kế toán trưởng và Nguyễn Thùy L - Nhân viên Phòng Hành chính Công ty than V sử dụng tiền cá nhân trước sau đó hợp thức bằng các hóa đơn chứng từ khống và tiền của Công ty than V để chi các khoản chi không đúng quy định, không quyết toán được tại Công ty than V, như: Chi ăn uống, tiếp khách; Chi mua quà cho khách hàng, đối tác; Chi sửa chữa văn phòng, khuôn viên; Chi mua quà tặng cho cán bộ nhân viên; Chi bồi dưỡng thêm cho một số cán bộ nhân viên; Chi ăn tất niên cuối năm; Chi mua quà tết cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên của Công ty than V... Toàn bộ các khoản chi này đều không hợp lệ, không đúng quy định, không có hóa đơn chứng từ, không hạch toán được theo quy định của Nhà nước và không đúng theo nguyên tắc chi tiền và danh mục chi quy định tại Điều 15, Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B ban hành theo Quyết định 1017/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2013 và Điều 16, Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B ban hành kèm theo Quyết định số 650/QĐ-TMB, ngày 10/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B. Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H và Nguyễn Thùy L vận dụng, thiết lập các hợp đồng, chứng từ, hóa đơn khống một phần hoặc

không toàn bộ (hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) để sử dụng nhằm mục đích lấy chứng từ rút tiền từ nguồn kinh phí hoạt động Công ty than V, để lấy nguồn tiền chi trả, bù đắp cho các khoản đã chi không đúng quy định nói trên, gây thất thoát, lãng phí tổng số tiền 1.153.961.457đ. Cụ thể:

1.1. Hành vi lập không chứng từ thuê bốc xếp, vận chuyển, chế biến, sàng tuyển than làm thất thoát số tiền 473.400.483 đồng của Vũ Hữu L và Trần Ngọc H

Từ tháng 09/2020 đến hết tháng 07/2021, Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận với Nguyễn Quốc T- SN 1974, trú tại thôn Phú Thị, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh V - Giám đốc Công ty TNHH Venus V (sau đây gọi là Công ty Venus) là đối tác có quan hệ kinh tế với Công ty than V (T đồng thời là nhân viên Cửa hàng than V thuộc Công ty than V) để lập và ký các hợp đồng, chứng từ, hóa đơn với nội dung Công ty than V mua hàng hoặc thuê dịch vụ chế biến, bốc xếp, sàng rửa chế biến than của Công ty Venus. Thực tế đây chỉ là các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ không một phần hoặc không toàn bộ (hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc không có hàng hóa dịch vụ kèm theo). Việc trao đổi thỏa thuận L đã giao cho H thống nhất với Nguyễn Quốc T. Sau đó, căn cứ vào một số khoản chi không có chứng từ và ước lượng thêm một khoản dự phòng để chi, H thông báo với T về doanh số mà H cần, sau đó T chỉ đạo Hoàng Thị Thu H - Kế toán công ty Venus xuất hoá đơn theo yêu cầu cho công ty than V.

Tổng số hóa đơn mà Công ty Venus đã xuất cho Công ty than V là 08 tờ hóa đơn GTGT, trong đó có 02 hoá đơn không một phần và 06 hoá đơn không toàn bộ (hóa đơn đã ghi nội dung, ghi tăng giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) với tổng doanh số là 479.106.425đ, giá trị hàng hóa thực tế là 5.705.942đ (chưa thuế GTGT); doanh số xuất không là 473.400.483đ, gồm:

- Hoá đơn số 347 ngày 30/9/2020, giá trị chưa thuế là 16.866.224 đ, giá trị có hàng hoá dịch vụ là 3.607.824 đ, không là 13.258.400đ (ghi tăng giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 358 ngày 31/10/2020, giá trị chưa thuế là 46.802.518 đ, giá trị có hàng hoá dịch vụ là 2.098.118 đ, không là 44.740.400đ (ghi tăng giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 375 ngày 30/11/2020 giá trị chưa thuế là 76.620.800 đ, không là 76.620.800đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 394 ngày 30/12/2020 giá trị chưa thuế là 27.281.500 đ, không là 27.281.500đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ).

- Hoá đơn số 416 ngày 03/4/2021 giá trị chưa thuế là 49.877.882 đ, không là 49.877.882đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 446 ngày 31/5/2021 giá trị chưa thuế là 163.314.400 đ, không là 163.314.400đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 456 ngày 30/6/2021 giá trị chưa thuế là 31.282.372 đ, không là 31.282.372đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ)

- Hoá đơn số 485 ngày 31/7/2021 giá trị chưa thuế là 23.505.600 đ, không là 23.505.600 đ (ghi không giá trị hàng hoá dịch vụ).

Công ty kinh doanh than V đã 08 lần thanh toán tiền cho Công ty Venus theo doanh số ghi trên hóa đơn. Sau khi nhận được tiền từ Công ty than V, Nguyễn Quốc T tự tính toán số tiền để lại là 22.875.000đ (*hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) để bù cho các chi phí khác của Công ty Venus và rút tiền chuyển lại cho Trần Ngọc H tổng số tiền là 450.000.000đ. Trong đó T đưa tiền mặt trực tiếp cho H số tiền 274.000.000đ, T sử dụng tài khoản ngân hàng số 104006273939 (mở tại ngân hàng Vietinbank) mang tên Nguyễn Quốc T chuyển vào tài khoản ngân hàng số 100889858888 của Trần Ngọc H (mở tại ngân hàng Vietinbank) 02 lần với tổng số tiền là 176.000.000đ (*một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). H giữ số tiền trên để chi các khoản chi theo sự chỉ đạo của L hoặc H trực tiếp chi.

Đề hợp thức, hợp lý hóa cho các chứng từ, hóa đơn lấy từ Công ty Venus, theo chỉ đạo của L, Trần Ngọc H đã trao đổi, thỏa thuận, thống nhất với Nguyễn Quốc T để hai bên ký kết các hợp đồng, chứng từ và Công ty Venus xuất “không” hóa đơn cho Công ty than V. Đồng thời, H trình Vũ Hữu L với vai trò là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty và là chủ tài khoản ký các hợp đồng, chứng từ thanh toán, chuyển tiền ngân hàng kèm theo.

Bộ chứng từ thanh toán kèm theo gồm có: 01 Hợp đồng và Biên bản thảo do Vũ Hữu L ký, Trần Ngọc H và Trần Quyết T (Phó Phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty kinh doanh than V) ký nháy; 07 PH án chế biến/PH án pha trộn than do Nguyễn Khắc T, Trần Quyết T, Trần Ngọc H ký và Vũ Hữu L ký duyệt; 07 Biên bản quyết toán PH án pha trộn do Nguyễn Khắc T, Trần Quyết T, Trần Ngọc H, Trần Mạnh T ký; 07 Biên bản nghiệm thu, chế biến, pha trộn do Nguyễn Khắc T (Phó Giám đốc Công ty kinh doanh than V), Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Mạnh T (đều là nhân viên Công ty kinh doanh than V) ký; 07 Phiếu xuất kho và Phiếu Nhập kho do Lê Thị PH T (nhân viên Công ty kinh doanh than V), Trần Mạnh T, Nguyễn Khắc T ký; 08 Biên bản xác nhận vận chuyển bốc xếp do Trần Ngọc H ký (04 bản) và Nguyễn Khắc T ký (04 bản). Toàn bộ các hợp đồng, chứng từ thanh toán, biên bản, giấy tờ kèm theo bộ chứng từ thanh toán nêu trên đều do Trần Ngọc H lập và đề nghị những người khác ký. Trên cơ sở ký để hoàn thiện chứng từ cho Công ty, trong đó:

+ Nguyễn Khắc T biết Công ty TNHH Venus V có thực hiện việc sàng tuyển, chế biến than khi Công ty than V trực tiếp bán hàng từ kho của Công ty cho khách hàng là Công ty CMC. Trong thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021, T được Công ty than V giao phụ trách cửa hàng than V và được giao quản lý 01 máy xúc, thực hiện việc bốc xúc than của Công ty than V bán cho Công ty CMC nhiều lần. Do thời điểm được giao chiếc máy xúc trên đã hết khấu hao, phải chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thay dầu máy và việc thực hiện bốc xúc cũng diễn ra nhiều lần nhưng vẫn không xuất được hóa đơn để thanh toán. Nên khi thấy Trần Ngọc H đưa bộ hồ sơ liên quan đến việc bốc xúc, sàng tuyển nên Nguyễn Khắc T đã ký hồ sơ, chứng từ trên cơ sở Trần Ngọc H trình ký, với lý do hoàn thiện thủ tục theo quy định và không biết việc H sử dụng các chứng từ này để làm chứng từ thanh toán, rút tiền từ Công ty than

Về sử dụng bù đắp cho các khoản do Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã chi không đúng quy định, gây thất thoát. Sau đó, Trần Ngọc H đã chuyển số tiền 71.500.000đ để thanh toán cho Nguyễn Khắc T để T trả tiền đầu, tiền công bốc xúc và sửa chữa máy xúc. Số tiền còn lại, Nguyễn Khắc T không biết và không tham gia bàn bạc, trao đổi với L, H, L trong việc sử dụng.

+ Trần Quyết T không biết, không tham gia bàn bạc trao đổi và không buộc phải biết việc vận chuyển, bốc xếp, sàng tuyển thực tế do đơn vị nào thực hiện. Đồng thời, việc sàng tuyển, bốc xếp, chế biến thực tế vẫn diễn ra. Trần Ngọc H không bàn bạc, trao đổi, thống nhất và Trần Quyết T không biết việc H sử dụng các chứng từ này để làm chứng từ thanh toán, rút tiền từ Công ty than Về sử dụng bù đắp cho các khoản do Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã chi không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí.

+ Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Mạnh T, Lê Thị PH T tham gia ký giấy tờ, tài liệu, chứng từ nhưng không xem xét rõ nội dung và không nắm được những giấy tờ do mình ký được sử dụng như thế nào, thuộc loại giấy tờ gì của công ty mà chỉ biết công ty có nhiều giấy tờ phải ký, do các bộ phận chuyên môn xây dựng và đề nghị họ ký. Những người này không biết việc H sử dụng các chứng từ này để làm chứng từ thanh toán, rút tiền từ Công ty than Về sử dụng bù đắp cho các khoản do Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã chi không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí. H không bàn bạc, trao đổi, thống nhất với những người này về lý do, mục đích ký chứng từ cũng như không trao đổi, bàn bạc về việc sử dụng số tiền rút ra được từ Công ty than V.

1.2. Hành vi lập khống chứng từ mua văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, máy vi tính, sửa chữa máy photocopy, sửa chữa ô tô, mua đồ gia dụng phục vụ bếp ăn, quà tặng khách hàng, ăn uống, tổ chức hội nghị... làm thất thoát số tiền 680.560.974đ của Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, và Nguyễn Thùy L

Từ tháng 09/2021 đến hết năm 2022, Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H và Nguyễn Thùy L liên hệ với Hộ kinh doanh Đinh Tiến D, có địa chỉ đăng ký tại phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P do Đinh Tiến D, SN 1990, trú tại tổ 3, khu Hồng Hà, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P đăng ký, quản lý và trực tiếp điều hành mọi hoạt động để mua hóa đơn “khống” (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo hoặc ghi tăng giá trị hàng hóa mua vào) để hạch toán vào chi phí của Công ty than V.

Do đã nhiều lần đi mua đồ nhỏ lẻ tại Cửa hàng văn phòng phẩm Tám Hiền, có quan hệ mua bán hàng từ trước, đồng thời, với mong muốn được lãnh đạo Công ty than V ghi nhận, không điều động đi nơi khác công việc vất vả hơn. Nguyễn Thùy L đã chủ động đề xuất với Trần Ngọc H về việc L đi mua hóa đơn tại Cửa hàng văn phòng phẩm Tám Hiền. Sau đó, L đã trực tiếp tới Cửa hàng văn phòng phẩm Tám Hiền, có địa chỉ tại số nhà 1507, Đại lộ Hùng Vương, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P để liên hệ nhờ viết hóa đơn văn phòng phẩm và bảo hộ lao động... (xuất hóa đơn mà không có hàng hóa kèm theo hoặc ghi tăng giá trị hàng hóa). Tại đây, L gặp các nhân viên làm việc tại Cửa hàng văn phòng phẩm Tám Hiền (L không nhớ rõ gặp những ai) và đề nghị viết hóa đơn theo nội dung mà Công ty than V cần (xuất hóa đơn

mà không có hàng hóa kèm theo hoặc ghi tăng giá trị hàng hóa). Cửa hàng Văn phòng phẩm Tám Hiền thuộc Hộ kinh doanh Đinh Tiến D. Do vậy, sau khi L đặt vấn đề, các nhân viên Hộ kinh doanh Đinh Tiến D liên hệ với D để xin ý kiến D về việc xuất hóa đơn của Hộ kinh doanh Đinh Tiến D cho Công ty than V. Sau khi được D đồng ý thì nhân viên tại Cửa hàng viết hóa đơn (đối với hóa đơn giấy), hoặc xuất hóa đơn (đối với hóa đơn điện tử). Hiền không xác định được nhân viên nào đã trao đổi, bàn bạc với Nguyễn Thùy L về việc mua bán hóa đơn. Đồng thời, ngoài Đinh Tiến D thì nhân viên cũng không biết việc trao đổi, mua bán hàng hóa cụ thể giữa Công ty than V và Hộ kinh doanh Đinh Tiến D vì ngoài việc bán hàng trực tiếp tại Cửa hàng, Đinh Tiến D còn giao hàng tận nơi cho khách hàng, hoặc chuẩn bị sẵn hàng hóa để cho khách qua lấy, bán hàng khi nhân viên không có mặt tại cửa hàng.

Mỗi lần lấy hóa đơn, đối với hóa đơn tiền mặt (hóa đơn dưới 20 triệu đồng) thì L thanh toán tiền mặt ngay. Đối với hóa đơn trên 20 triệu đồng, phải chuyển khoản thì L không thanh toán ngay mà về hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thanh toán trình lãnh đạo Công ty than V sau đó chuyển khoản thanh toán vào số tài khoản 42810000148271 mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hùng Vương đứng tên Đinh Tiến D. Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản ngân hàng, Đinh Tiến D nhờ ông Lưu Bá Tám (là chú của D), SN 1967, ĐKHKT tại khu 3, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P, làm thủ tục rút tiền mặt tại Ngân hàng mang về Cửa hàng đưa cho D hoặc nhân viên tại Cửa hàng. Sau khi trừ chi phí hàng hóa thực tế mua và chi phí xuất hóa đơn khoảng từ 3% đến 4% trên tổng doanh số giá trị hàng hóa ghi tăng thêm, số tiền còn lại D trả tiền mặt cho L thông qua nhân viên tại Cửa hàng (D không nhớ đưa tiền cho ai và đưa khi nào do công việc bán hàng nhiều, nhiều khi D xuất hàng, đóng hàng và nhờ nhân viên đưa cho khách...). Đối với các hóa đơn thanh toán bằng tiền mặt, L sẽ về làm thủ tục thanh toán để lấy tiền từ quỹ Công ty than V (Lê Thị PH T). Số tiền chênh lệch sau khi trừ chi phí mua hóa đơn L nhận lại từ Hộ Kinh doanh Đinh Tiến D hoặc từ quỹ công ty thì L giữ lại để bù trừ các chi phí đã ứng trước hoặc đưa cho H.

Từ tháng 09/2021 đến hết năm 2022, L đã liên hệ và mua của Hộ kinh doanh Đinh Tiến D tổng số hóa đơn “khổng” là 19 tờ, gồm 12 tờ hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và 07 tờ hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa, với tổng doanh số là 416.772.820đ (giá trị ghi khổng là 391.177.820đ, tiền hàng hóa thực tế là 20.850.254đ, chi phí mua hóa đơn là 13.422.543đ). Toàn bộ 19 hóa đơn GTGT “khổng” này Hộ Kinh doanh Đinh Tiến D đã kê khai và hạch toán thuế với cơ quan thuế theo quy định. D hưởng lợi bất chính số tiền là 13.422.543đ.

Ngoài ra, Công ty than V còn sử dụng 17 tờ hóa đơn khổng (không có hàng hoá dịch vụ kèm theo hoặc ghi tăng giá trị hàng hóa), tổng doanh số 487.958.408đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 264.787.608đ, giá trị hàng hóa thực tế là 203.320.000đ, chi phí mua hóa đơn là 19.850.800đ) của các Hộ kinh doanh, Công ty khác, gồm:

- Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng 02 tờ, doanh số 35.800.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 31.430.000đ);
- Công ty TNHH hai thành viên TH mại Hùng Vương 03 tờ, doanh số 125.231.600đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 53.261.600đ);

- Công ty TNHH tH mại và dịch vụ Việt Blue 01 tờ, doanh số là 26.830.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 23.340.000đ).
- Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi 01 tờ, doanh số 10.152.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 8.652.000đ):
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên 01 tờ, doanh số 14.113.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 12.263.000đ);
- Hộ kinh doanh Trương Xuân T 01 tờ, doanh số 12.971.700đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 11.371.700đ);
- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B 02 tờ, doanh số 29.890.100đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 26.830.100đ);
- Công ty cổ phần BLN 01 tờ, doanh số 17.500.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 14.900.000đ);
- Công ty TNHH tH mại P 01 tờ, doanh số 6.000.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 5.100.000đ);
- Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P 03 tờ, doanh số 107.460.000đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 36.429.200đ);
- Công ty TNHH Gốm sứ H 01 tờ, doanh số 102.000.008đ (ghi tăng giá trị hóa đơn 41.200.008đ);

Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P đã điều tra xác minh và xác định:

Đối với Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng: Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng xuất cho Công ty than V02 Hóa đơn giá trị gia tăng, gồm:

- Hóa đơn số 261, ngày 30/12/2022 có giá trị là 20.200.000đ với các mặt hàng là L kiện mạng internet, dây mạng... Thực tế, Công ty than V chỉ mua hàng, sử dụng dịch vụ của Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng số tiền là 1.300.000đ. L đã trực tiếp làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng (không xác định được nhân viên nào) để thống nhất ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn với chi phí mua hóa đơn là 1.320.000đ. Sau đó, L làm và hoàn thiện các thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng. Sau đó, L làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng (không xác định được nhân viên nào) để đối trừ giá trị hàng hóa, dịch vụ thực tế. L nhận tiền mặt từ nhân viên Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng số tiền là 17.580.000đ. L sử dụng số tiền này để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

- Hóa đơn số 174, ngày 25/8/2022 có giá trị là 15.600.000đ với các mặt hàng là L kiện mạng internet, L kiện máy photocopy, sửa chữa máy photocopy... Thực tế, Công ty than V chỉ mua hàng, sử dụng dịch vụ của Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng số tiền là 700.000đ. L đã trực tiếp làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng (không xác định được nhân viên nào) để thống nhất ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn với chi phí mua hóa đơn là 1.050.000đ. Sau đó, L làm và hoàn thiện các thủ tục để rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 15.600.000đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng số tiền này để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V số tiền là 13.580.000đ.

Thực tế tại Công ty kinh doanh than V có các mặt hàng là L kiện mạng Internet, L kiện máy photocopy và dây mạng... như nội dung các Hóa đơn. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với chủ hộ kinh doanh Dương Thị Lượng mà chỉ trao đổi với nhân viên của hộ kinh doanh này và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của chủ hộ kinh doanh. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời Chủ hộ kinh doanh Dương Thị Lượng không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn. Không xác định được mối liên kết giữa tiền do Công ty kinh doanh than V chuyển đến tài khoản của Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng và tiền mặt Nguyễn Thùy L nhận về.

Đối với Công ty TNHH TH mại và dịch vụ Vietblue: Công ty TNHH TH mại và dịch vụ Vietblue xuất cho Công ty kinh doanh than V01 hóa đơn số 132, ngày 25/10/2022 có giá trị là 26.840.000đ với mặt hàng là 02 máy vi tính. Thực tế 02 máy vi tính này là L mua sử dụng cá nhân và gia đình nhưng L đã đề nghị nhân viên Công ty Vietblue (không xác định được nhân viên nào) xuất hóa đơn cho Công ty kinh doanh than V. L làm và hoàn thiện thủ tục để Công ty kinh doanh than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty TNHH TH mại và dịch vụ Vietblue. Sau đó L làm việc với nhân viên Công ty Vietblue (không xác định được nhân viên nào) để đối trừ tiền sửa chữa máy văn phòng cho Công ty than V số tiền 1.500.000đ và chi phí mua hóa đơn là 2.000.000đ. L nhận tiền mặt từ nhân viên này số tiền là 23.340.000đ. L sử dụng số tiền này đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TH mại và dịch vụ Vietblue mà chỉ trao đổi với nhân viên của Công ty này và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Vietblue. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty Vietblue không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn, có hàng hóa thực tế. Không xác định được mối liên kết giữa tiền do Công ty kinh doanh than V chuyển đến tài khoản của Công ty Vietblue và tiền mặt Nguyễn Thùy L nhận về.

Đối với Công ty TNHH hai thành viên TH mại Hùng Vương: Công ty TNHH hai thành viên TH mại Hùng Vương xuất cho Công ty than V03 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng, gồm:

- Hóa đơn số 816, ngày 17/10/2022 có giá trị là 19.785.600đ với các mặt hàng là 08 Bộ trà làm quà tặng cho nữ cán bộ công nhân viên trong Công ty than V đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý III năm 2022. Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty TNHH hai thành viên TH mại Hùng Vương (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 10.720.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 980.000đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 19.785.600đ

và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng số tiền 8.085.600đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

- Hóa đơn số 916, ngày 25/11/2022 có giá trị là 18.051.000đ với các mặt hàng là đồ gia dụng trang bị cho bếp ăn tập thể của Công ty than V. Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 7.500.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 1.165.000đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 18.051.000đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng 9.386.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

- Hóa đơn số 972, ngày 12/12/2022 có giá trị là 87.395.000đ với các mặt hàng là 35 chiếc máy xay sinh tố làm quà tặng Hội nghị tổng kết sản xuất kinh doanh năm 2022 và Hội nghị người lao động năm 2023. Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và làm, hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương. Sau đó L làm việc với nhân viên của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương (không xác định được nhân viên nào) để đối trừ tiền mua máy xay sinh tố cho Công ty than V thực tế là 47.500.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 4.105.000đ. L nhận tiền mặt từ nhân viên này số tiền là 35.790.000đ. L sử dụng số tiền này để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Các mặt hàng theo hóa đơn Công ty than V mua của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương là đúng thực tế, có mặt hàng là vật tư tiêu hao đã sử dụng hết và có mặt hàng hiện đang sử dụng tại Công ty than V hoặc đã tặng cho các cá nhân phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương mà chỉ trao đổi với nhân viên của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn, có hàng hóa thực tế. Không xác định được mối liên kết giữa tiền do Công ty kinh doanh than V chuyển đến tài khoản của Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương và tiền mặt Nguyễn Thùy L nhận về.

Đối với Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P: Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P xuất cho Công ty than V 03 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng, gồm:

- Hóa đơn số 3090, ngày 25/12/2022 với hàng hóa dịch vụ là bữa chính, bữa phụ và khánh tiết, loa đài, văn nghệ, hội trường phục vụ Hội nghị Tổng kết sản xuất kinh doanh năm 2022 và Hội nghị người lao động năm 2022 của Công ty than V. Trần

Ngọc H và Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P số tiền là 37.000.000đ.

- Hóa đơn số 3180, ngày 22/12/2022 với hàng hóa dịch vụ là bữa chính, bữa phụ và khánh tiết, văn nghệ phục vụ Hội nghị khách hàng năm 2022 của Công ty than V. Trần Ngọc H và Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P số tiền là 59.200.000đ;

Tuy nhiên, thực tế tổng chi phí tổ chức Hội nghị Tổng kết sản xuất kinh doanh năm 2022 và Hội nghị người lao động năm 2022, Hội nghị khách hàng năm 2022 của Công ty than V chỉ là 64.500.000đ và chi phí mua hóa đơn là 4.719.200đ. L làm việc để đối trừ chi phí tổ chức các Hội nghị, tiền mua hóa đơn và nhận tiền mặt từ nhân viên Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P (không xác định được nhân viên nào) số tiền là 26.980.800đ. L sử dụng số tiền này để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

- Hóa đơn số 2791, ngày 29/11/2022 với hàng hóa dịch vụ là chi phí ăn uống. Thực tế, giá trị hàng hóa, dịch vụ chỉ là 700.000đ. L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 700.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 1.101.600đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 11.260.000đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng 9.485.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P mà chỉ trao đổi với nhân viên của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn, có hàng hóa, dịch vụ thực tế. Không xác định được mối liên kết giữa tiền do Công ty kinh doanh than V chuyển đến tài khoản của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P và tiền mặt Nguyễn Thùy L nhận về.

Đối với Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi: Công ty TNHH tH mại và dịch vụ Dương Lợi xuất cho Công ty kinh doanh than V01 hóa đơn số 210, ngày 30/12/2022 có giá trị là 10.152.000đ với mặt hàng là lớp xe, dịch vụ bảo dưỡng, căn chỉnh, dọn nội thất ô tô. Trần Ngọc H là người trực tiếp mang xe ô tô đến sửa chữa,

thay thế phụ tùng và thanh toán tiền cho Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi. Thực tế, 02 ô tô mà H mang đến sửa chữa, thay thế phụ tùng tại Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi có 01 ô tô cá nhân của L (Biển kiểm soát 29A-281.69) và 01 ô tô của Công ty than V (Biển kiểm soát 19A-005.09). Chi phí sửa chữa ô tô của Công ty than V thực tế chỉ là 1.500.000đ. Tuy nhiên, L đã đề nghị Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi xuất hóa đơn cho Công ty than V. Sau đó, Nguyễn Thùy L làm thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty than V số tiền là 10.152.000đ và đối trừ chi phí mua hàng hóa thực tế. L sử dụng 8.652.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH tH mại và dịch vụ Dương Lợi không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn, có hàng hóa, dịch vụ thực tế. Việc Nguyễn Thùy L, Trần Ngọc H mang xe nào đến sửa, có phải của Công ty than V hay không Công ty TNHH tH mại và dịch vụ Dương Lợi không có trách nhiệm phải xác minh khi xuất hóa đơn.

Đối với Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên: Có căn cứ xác định Nguyễn Thùy L đã mua và sử dụng 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng không (ghi tăng giá trị hóa đơn) của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên đó là Hóa đơn số 2590, ngày 16/12/2022 có giá trị là 14.113.000đ với mặt hàng là chi phí ăn uống. Thực tế, Công ty than V là đơn vị thường xuyên sử dụng dịch vụ ăn uống, tiếp khách tại Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên (Nhà hàng Cội Nguồn). Do vậy, Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 400.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 1.450.000đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 14.113.000đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng 12.263.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên mà chỉ trao đổi với nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào. Đồng thời, người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn.

Đối với Hộ kinh doanh Trương Xuân T: Có căn cứ xác định Nguyễn Thùy L đã mua và sử dụng 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng không (ghi tăng giá trị hóa đơn) của Hộ kinh doanh Trương Xuân T đó là Hóa đơn số 776, ngày 06/12/2022 có giá trị là 12.971.700đ với mặt hàng là chi phí ăn uống. Thực tế, Công ty than V là đơn vị thường xuyên sử dụng dịch vụ ăn uống, tiếp khách tại Hộ kinh doanh Trương Xuân T (Nhà hàng Xuân T). Do vậy, Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Trương Xuân T (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 800.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 1.600.000đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh

doanh than V số tiền 12.971.700đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế. L sử dụng 11.371.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với chủ hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Trương Xuân T mà chỉ trao đổi với nhân viên của hộ kinh doanh này và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của chủ hộ kinh doanh. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời chủ hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Trương Xuân T không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn.

Đối với Hộ kinh Nguyễn Thị Ngọc B: Có căn cứ xác định Nguyễn Thùy L đã mua và sử dụng 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng không (ghi tăng giá trị hóa đơn) của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B, gồm:

- Hóa đơn số 68, ngày 28/09/2022 có giá trị là 7.634.700đ với mặt hàng là hoa tươi. Thực tế, Công ty than V là đơn vị thường xuyên mua hàng là hoa tươi tại Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B. Do vậy, Nguyễn Thùy L đã trực tiếp làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, trả tiền hàng hóa, dịch vụ thực tế là 400.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 360.000đ. Sau đó, L làm thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền 7.634.700đ và đối trừ chi phí mua hóa đơn, mua hàng hóa thực tế và sử dụng 6.874.700đ. L sử dụng để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

- Hóa đơn số 519, ngày 30/12/2022 có giá trị là 22.255.400đ với mặt hàng là hoa tươi. Thực tế, Công ty than V là đơn vị thường xuyên mua hàng là hoa tươi tại Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B. Do vậy, Nguyễn Thùy L đã trực tiếp làm việc với nhân viên Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và lấy hóa đơn, hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B số tiền là 22.255.400đ. Thực tế, giá trị hàng hóa chỉ là 800.000đ và chi phí mua hóa đơn là 2.300.000đ. L làm việc để đối trừ chi phí hàng hóa, tiền mua hóa đơn và nhận tiền mặt từ nhân viên Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B (không xác định được nhân viên nào) số tiền là 19.955.400đ. L sử dụng số tiền này để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B mà chỉ trao đổi với nhân viên của hộ kinh doanh này và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của chủ hộ kinh doanh. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào. Đồng thời, chủ hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn.

Đối với Công ty Cổ phần BLN: Công ty Cổ phần BLN xuất cho Công ty kinh doanh than V 01 hóa đơn số 81, ngày 19/09/2022 có giá trị là 17.500.000đ với mặt hàng là 02 tủ lạnh. Thực tế 02 tủ lạnh này là L mua sử dụng cá nhân và gia đình nhưng

L đã đề nghị nhân viên Công ty Cổ phần BLN (không xác định được nhân viên nào) xuất hóa đơn cho Công ty kinh doanh than V. Ngoài ra, L còn mua thêm 02 nồi cơm điện cho Công ty kinh doanh than V với số tiền là 2.600.000đ (không lấy hóa đơn). Sau đó, L làm và hoàn thiện thủ tục để rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 17.500.000đ. L sử dụng số tiền này để đối trừ tiền mua nồi cơm điện và sử dụng 14.900.000đ đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần BLN mà chỉ trao đổi với nhân viên của Công ty Cổ phần BLN và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần BLN. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần BLN không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn. Việc khai báo thông tin xuất hóa đơn nội dung người mua hàng là Công ty kinh doanh than V do Nguyễn Thùy L cung cấp, Công ty Cổ phần BLN không có trách nhiệm phải xác minh khi xuất hóa đơn.

Đối với Công ty TNHH TH mại P: Công ty TNHH TH mại P xuất cho Công ty kinh doanh than V01 Hóa đơn là Hóa đơn số 297, ngày 20/09/2022 có giá trị là 6.000.000đ với mặt hàng là 02 bếp gas phục vụ bếp ăn tập thể của Công ty than V. Thực tế, Công ty than V chỉ mua hàng của Công ty TNHH TH mại P số tiền là 900.000đ. Do Công ty than V thường xuyên đổ gas do một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ mang tới, do vậy L đã trực tiếp làm việc với người đàn ông này để đề nghị ghi tăng giá trị hóa đơn (không mất chi phí lấy hóa đơn do là khách đổ gas nhiều). Sau đó nhân viên này lấy hóa đơn và Bảng báo giá của Công ty TNHH TH mại P cho L. L hoàn thiện giấy tờ thủ tục rút tiền từ thủ quỹ Công ty kinh doanh than V số tiền là 6.000.000đ và đối trừ chi phí mua hàng hóa thực tế. L sử dụng số tiền 5.100.000đ để đối trừ cho các khoản khác đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Thực tế 02 bếp gas này hiện vẫn đang sử dụng phục vụ bếp ăn tập thể tại Công ty kinh doanh than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TH mại P mà chỉ trao đổi với người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua người này để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TH mại P. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với ai. Đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TH mại P không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn.

Đối với Công ty TNHH Gốm sứ H: Công ty TNHH Gốm sứ H xuất cho Công ty than V01 Hóa đơn số 34, ngày 21/12/2022 có giá trị là 102.000.008đ với mặt hàng là 34 Bộ Hoa mặt trời gốm cao cấp Bát Tràng làm quà tặng Hội nghị khách hàng năm 2022. Nguyễn Thùy L trực tiếp làm việc với nhân viên Công ty TNHH Gốm sứ H (không xác định được nhân viên nào) thống nhất việc ghi tăng giá trị hóa đơn và làm, hoàn thiện các giấy tờ, thủ tục để Công ty than V chuyển khoản vào tài khoản ngân

hàng của Công ty TNHH Gốm sứ H. Sau đó L làm việc với nhân viên của Công ty TNHH Gốm sứ H (không xác định được nhân viên nào) để đổi trừ tiền mua 34 Bộ Hoa mặt trời gốm cao cấp Bát Tràng cho Công ty than V thực tế là 60.800.000đ; Chi phí mua hóa đơn là 4.120.000đ. Trần Ngọc H được nhận số tiền chuyển khoản vào tài khoản của Trần Ngọc H số tiền là 41.200.000đ. Sau đó H sử dụng số tiền này để đổi trừ cho các khoản khác H đã chi cho Công ty kinh doanh than V.

Các mặt hàng theo hóa đơn Công ty than V mua của Công ty TNHH Gốm sứ H là đúng thực tế, Công ty than V đã sử dụng tặng cho các cá nhân tham gia Hội nghị khách hàng năm 2022 của Công ty than V. Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Gốm sứ H mà chỉ trao đổi với nhân viên của Công ty TNHH Gốm sứ H và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Gốm sứ H. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào. Đồng thời, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Gốm sứ H không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn.

Để hợp thức các chứng từ, hóa đơn lấy từ các Công ty, Hộ kinh doanh nói trên, Nguyễn Thùy L đã xây dựng các Hợp đồng, Tờ trình, Bộ chứng từ thanh quyết toán khống và đề nghị những người có liên quan trong Công ty than V ký khống nhằm hợp thức hồ sơ, mục đích lấy tiền chênh lệch thanh toán chi phí khác cho Công ty than V. Đồng thời trình Vũ Hữu L với vai trò là giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty và là chủ tài khoản ký các hợp đồng, chứng từ thanh toán, chuyển tiền ngân hàng kèm theo.

36 Bộ chứng từ thanh toán gồm có: Hợp đồng, Biên bản bàn giao, Biên bản thanh lý Hợp đồng do Vũ Hữu L, Nguyễn Khắc T ký; Giấy Đề nghị thanh toán, Tờ trình do Nguyễn Thùy L lập, Ngô Thị Thu H - Phó Phòng Tổ chức hành chính và Trần Ngọc H - Trưởng Phòng Tài chính kế toán ký và Vũ Hữu L - Giám đốc Công ty kinh doanh than V ký duyệt; Phiếu xuất kho do Nguyễn Thùy L lập và ký vào mục Thủ Kho, Người nhận hàng là các Phòng chuyên môn có liên quan, Lê Thị PH Tký Người lập phiếu và Trần Ngọc H - Trưởng Phòng Tài chính kế toán ký và Vũ Hữu L - Giám đốc Công ty kinh doanh than V ký duyệt.

Toàn bộ các hợp đồng, chứng từ thanh toán, biên bản, giấy tờ kèm theo bộ chứng từ thanh toán nêu trên đều do Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L lập và đề nghị những người khác ký. Trên cơ sở ký để hoàn thiện chứng từ cho Công ty. L và H không bàn bạc, trao đổi, thống nhất với những người này về lý do, mục đích ký chứng từ cũng như không trao đổi, bàn bạc về việc sử dụng số tiền rút ra được từ Công ty than V. Trong đó:

- Ngô Thị Thu H đã ký giấy đề nghị chuyển khoản/thanh toán, tờ trình, kế hoạch trang bị (nếu có), bảng kê nhận trang bị/văn phòng phẩm/quà... liên quan 36 bộ chứng từ này. Tuy nhiên, Ngô Thị Thu H là cấp trên phụ trách trực tiếp của Nguyễn Thùy L, Ngô Thị Thu H ký giấy tờ do Nguyễn Thùy L trình ký trên cơ sở, suy nghĩ đơn giản là ký để hoàn thiện chứng từ cho Công ty theo quy định. Bởi Nguyễn Thùy L

nhận chỉ đạo trực tiếp từ Vũ Hữu L, Trần Ngọc H giao mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động ... cho Công ty kinh doanh than V. Các chứng từ này còn được Phòng kế toán kiểm tra, rà soát các chi phí phát sinh, trình Giám đốc ký chứng từ thanh toán. Ngoài các chứng từ này còn rất nhiều giấy tờ, chứng từ khác do Nguyễn Thùy L trình trong một năm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kinh doanh than V. Quá trình trình ký, Ngô Thị Thu H không biết và Nguyễn Thùy L không trao đổi, thỏa thuận bất cứ nội dung gì với Ngô Thị Thu H về việc mua hóa đơn khống, ghi tăng giá trị hóa đơn. Ngô Thị Thu H không được L, H, L trao đổi, bàn bạc, thống nhất việc mua hóa đơn khống, ghi tăng giá trị hóa đơn và việc sử dụng nguồn tiền rút ra được từ Công ty than V gây thất thoát lãng phí.

- Đối với các đối tượng khác: Toàn bộ các hợp đồng, chứng từ thanh toán, biên bản, giấy tờ kèm theo bộ chứng từ thanh toán nêu trên đều do Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L lập và đề nghị những người khác ký. Trên cơ sở ký để hoàn thiện chứng từ cho Công ty. Những người tham gia ký giấy tờ, tài liệu, chứng từ không xem xét rõ nội dung và không nắm được những giấy tờ do mình ký được sử dụng như thế nào, thuộc loại giấy tờ gì của công ty mà chỉ biết công ty có nhiều giấy tờ phải ký, do các bộ phận chuyên môn xây dựng và đề nghị họ ký. Những người này không biết việc H và L sử dụng các chứng từ này để làm chứng từ thanh toán, rút tiền từ Công ty than V để sử dụng bù đắp cho các khoản do Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã chi không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí. L và H không bàn bạc, trao đổi, thống nhất với những người này về lý do, mục đích ký chứng từ cũng như không trao đổi, bàn bạc về việc sử dụng số tiền rút ra được từ Công ty than V.

Toàn bộ các hóa đơn này đã được Công ty than V hạch toán, quyết toán thuế. Sau khi Kế toán trưởng (H) và Giám đốc (L) của Công ty than V phê duyệt chuyển khoản thanh toán doanh số theo hóa đơn cho các đơn vị, L liên hệ với nhân viên làm việc tại các đơn vị (không xác định được nhân viên nào) để đối trừ tiền thuế, phí chênh lệch và nhận lại tiền.

Như vậy, từ tháng 9/2020 đến hết năm 2022, Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã thiết lập các chứng từ “khống” bằng cách mua hóa đơn, hợp lý hóa các hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ không đúng thực tế, lập các bảng kê chi tiền mặt “khống” để rút tiền từ nguồn kinh phí hoạt động của Công ty than V tổng số tiền là 1.153.961.457 đồng (trong đó Vũ Hữu L và Trần Ngọc H đã rút là 473.400.483đ; Vũ Hữu L, Trần Ngọc H và Nguyễn Thùy L đã rút là 680.560.974đ) để bù đắp cho các khoản chi phí không hạch toán được trong sổ sách kế toán các khoản chi gồm: (được thể hiện tại thống kê các khoản chi do H, L lập được Vũ Hữu L xác nhận và được Cơ quan An ninh điều tra đối chiếu):

- Chi khoản tiền mua trái phép hóa đơn 56.144.443 đồng (Công ty Venus 22.875.000đ; Hộ kinh doanh Đinh Tiến D 13.423.000đ; 11 đơn vị còn lại số tiền 19.850.343đ).

- Chi các khoản chi tại Công ty than V năm 2021, 2022 với tổng số tiền là 852.000.000đ (Chítét cho một số cán bộ, công nhân viên năm 2020, 2021; Chi sửa chữa văn phòng, mua hải sản, may đồng phục, mua rượu; Chi mua bánh trung thu cho

Cán bộ công nhân viên ngày 08/9/2021; Mua quà cho khách hàng; Làm tủ, ốp vách tường phòng Giám đốc; Chuyển lán chợ, lắp trả lại; đổ bê tông cống vào, công làm mặt bằng; mua quà hải sản tặng Đảng uỷ khối doanh nghiệp; may quần áo đồng phục cho toàn bộ cán bộ công nhân viên; trả tiền mua tranh, vận chuyển lắp tranh trong phòng Giám đốc; trả tiền thay khung cửa gỗ, lắp khoá phòng Giám đốc...)

- Chi các khoản năm 2021 (do H trực tiếp chi) với tổng số tiền là 270.000.000đ, gồm:

+ Chi tiền chi phí phát sinh hàng tháng (11.000.000đ x 12 tháng) 132.000.000đ
+ Chi các khoản ngày 8/3, 26/3, 20/10, 1/6, chi tiền mua bánh trung thu, chi mua quà ủng hộ người nghèo, chi ủng hộ tổ 16, chi tiền lương bảo vệ nấu ăn hàng tháng với tổng số tiền 138.000.000đ.

- Căn cứ vào các khoản chi theo bảng thống kê các khoản mục chi do Cơ quan An ninh điều tra thu thập được tại Công ty than V, ngày 10/7/2024 Cơ quan An ninh điều tra đã có Văn bản số 200/ANĐT về việc yêu cầu Công ty than Miền B xem xét các khoản chi của Công ty than V, việc chi trên có báo cáo và được sự đồng ý của Công ty than Miền B, đồng thời xem xét có khoản chi nào phục vụ cho lợi ích chung của Công ty than V.

Trên cơ sở rà soát và căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty than Miền B, ngày 04/9/2024 Công ty than Miền B có Văn bản số 2534/CV-TMB xác định: Công ty kinh doanh than V đã không báo cáo và không được sự đồng ý của Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B khi thực hiện các khoản chi phí này. Tuy nhiên, qua rà soát thì một số khoản chi phí được chi với mục đích phục vụ lợi ích chung của Công ty kinh doanh than V (có Bảng kê chi phí phục vụ lợi ích chung của Công ty than V kèm theo Biên bản làm việc ngày 21/8/2024 của Công ty than Miền B). Căn cứ vào nội dung trả lời của Công ty than Miền B xác định, các khoản chi với tổng số tiền 351.002.000 đồng (*ba trăm năm mươi một triệu không trăm L hai nghìn đồng*) là các khoản chi phục vụ cho lợi ích chung của Công ty than V.

Khoản chi còn lại đã sử dụng trái phép là 778.231.606đ, Công ty than Miền B đề nghị thu hồi tài sản cho doanh nghiệp và Nhà nước.

1.3. Hành vi mua hóa đơn GTGT không để quyết toán, hợp thức cho các chi phí phát sinh không có hóa đơn, chứng từ, không hạch toán được của Công ty TNHH Venus V

Ngoài việc xuất “không” 08 tờ hóa đơn cho Công ty than V như đã nêu trên, từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2023, Nguyễn Quốc T - Giám đốc Công ty TNHH Venus V (Công ty Venus) đã chỉ đạo Hoàng Thị Thu H, SN 1986, ĐKHKT tại khu 3, xã Trung Vương, thành phố V, tỉnh P (trước đây là kế toán Công ty Venus) tìm cách mua hóa đơn GTGT để quyết toán, hợp thức cho các chi phí phát sinh không có hóa đơn, chứng từ, không hạch toán được như: Tiền sửa chữa, tiền vật tư máy móc, tiền mua các pH tiện, dụng cụ lẻ tại Cửa hàng, tiền mặt rút ra chi tiêu hàng ngày...

Do trước đó, Công ty Venus thường xuyên mua hàng là dầu diesel tại Cửa hàng xăng dầu của Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P, do bà Nguyễn Thị Thu - sinh năm 1961, trú tại 529, Hoàng Hoa Thám, phường V, quận Ba Đình,

thành phố Hà Nội là Giám Đốc (Cây xăng Thụy Dương, có địa chỉ tại Tổ 29, phố Hồng Hà 2, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P) với hình thức như: Từng lần đổ dầu cho các xe của Công ty Venus (các xe lấy hóa đơn mà người mua hàng là Công ty Venus) chỉ được theo dõi số lượng dầu, xăng đổ từng lần và thanh toán tiền dầu theo sổ sách viết tay được người bán hàng ký vào sổ lưu tại Cây xăng Thụy Dương và Cây xăng Thụy Dương xuất hóa đơn đúng số lượng dầu đã mua cho Công ty Venus. Sau khi được Nguyễn Quốc T giao tìm cách mua hóa đơn, do có quan hệ quen biết từ trước, H đã liên hệ với Nguyễn Thu H, SN 1987, HKTT tại tổ 12, phố Hòa Bình, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P là nhân viên bán hàng Cây xăng Thụy Dương đề nghị H về việc nếu Cây xăng Thụy Dương có thể xuất thêm được hóa đơn đầu ra (tăng số tiền của từng hóa đơn, hoặc là xuất hóa đơn mà không mua hàng thực tế) là dầu diesel thì xuất cho Công ty Venus để làm đầu vào. H đồng ý và nói nếu có khách lẻ mua dầu diesel không lấy hóa đơn thì H sẽ xuất hóa đơn cho H (với thông tin người mua hàng là Công ty Venus). Theo thỏa thuận với H, mỗi lần H có yêu cầu viết thêm giá trị hóa đơn hoặc viết hóa đơn mà không có việc mua bán hàng hóa (xăng, dầu) thực tế, H căn cứ vào số lượng khách lẻ mà không lấy hóa đơn (theo giá trị H tự nhằm tính trong đầu chứ không có sổ sách theo dõi) để xuất hóa đơn cho H, phù hợp với lượng khách lẻ không lấy hóa đơn. Ban đầu, H thu của H số tiền là 5% (năm phần trăm) giá trị hóa đơn chưa thuế. Những hóa đơn sau đó, H thu của H số tiền là 3% (ba phần trăm) giá trị hóa đơn chưa thuế. Do đã được phân công nhiệm vụ từ trước và được Nguyễn Thị Thu, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P giao quản lý, sử dụng chữ ký điện tử (USB Token) của Chi nhánh Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P để sử dụng tại Cây xăng Thụy Dương phục vụ việc xuất hóa đơn cho khách hàng theo quy định. Toàn bộ hóa đơn điện tử xuất ra do Nguyễn Thu H tự ý thực hiện, không báo cáo, không trao đổi, bàn bạc, thống nhất với bà Nguyễn Thị Thu và Đặng Thị Anh Hà - Cửa hàng trưởng Cây xăng Thụy Dương.

Với thủ đoạn như trên, từ tháng 4/2022 đến hết tháng 6/2023, Hoàng Thị Thu H đã liên hệ và mua 60 hóa đơn GTGT “không” (gồm 45 hóa đơn đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và 15 hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa) và được Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P xuất cho Công ty Venus với tổng tiền ghi trên 60 hóa đơn là 502.627.210đ (tiền hàng là 456.933.827đ, tiền thuế là 45.693.382đ). Trong đó giá trị hàng hóa thực tế (đã tính thuế GTGT) là 156.859.280đ, tổng tiền không theo các hóa đơn là 345.767.930đ (tiền hàng là 314.334.482đ, tiền thuế GTGT là 31.433.448đ).

Chi phí mua hóa đơn cụ thể như sau: Thời gian đầu, H thu số tiền là 5% giá trị hóa đơn chênh lệch trước thuế. Về sau, H thu số tiền là 3% giá trị hóa đơn chênh lệch trước thuế. Tổng số tiền mà Hoàng Thị Thu H đã đề nghị Nguyễn Quốc T trả tiền mua hóa đơn cho Nguyễn Thu H là 11.125.000đ (*Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Toàn bộ 60 hóa đơn GTGT “không” này Công ty Venus đã kê khai và hạch toán thuế với cơ quan thuế theo quy định.

Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 69/QĐ-ANĐT, ngày 29/4/2024 tiến hành trưng cầu giám định đối với việc Công ty

TNHH Venus V bán hóa đơn GTGT không để Công ty kinh doanh than Vláy chứng từ bù đắp cho các khoản chi không quyết toán được theo quy định của Nhà nước và mua hóa đơn GTGT không để quyết toán, hợp thức cho các chi phí phát sinh không có hóa đơn, chứng từ, không hạch toán được của Công ty TNHH Venus V có vi phạm pháp luật về thuế không? Nếu có đề nghị xác định rõ hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại do hành vi vi phạm đó gây ra.

Tại Kết luận giám định (không số), ngày 30/8/2024, Cục Thuế tỉnh P kết luận:

“2.1.1. Kết luận về hành vi vi phạm

- Đối với hành vi bán 08 số hóa đơn không hóa đơn của Công ty TNHH Venus V là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn.

- Đối với hành vi mua vào và sử dụng 60 số hóa đơn không, tổng tiền ghi trên hóa đơn 502.627.210 đồng (tiền hàng là 456.933.827 đồng, tiền thuế là 45.693.382 đồng). Gồm 45 hóa đơn không toàn bộ và 15 hóa đơn không giá trị một phần để ghi tăng giá trị hàng hóa. Để kê khai thuế GTGT đầu vào và hạch toán chi phí là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn.

- Đối với việc sử dụng không hợp pháp hoá đơn của Công ty Venus là hành vi trốn thuế, gây thiệt hại về thuế GTGT số tiền 11.977.225 đồng.

- Đối với hành vi làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp NSNN số tiền 20.416.865 đồng của Công ty Venus là hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Hồ sơ, tài liệu do cơ quan ANĐT cung cấp, từ năm 2020 đến năm 2023 không có đủ căn cứ để xác định giá trị thực tế của hàng hóa mua vào trong kỳ tương ứng với doanh thu bán ra và chi phí liên quan đến việc xuất bán hàng hoá, hoá đơn không, để xác định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; không có đủ căn cứ để ấn định thuế TNDN theo quy định, nên cơ quan thuế không có cơ sở xác định thiệt hại về thuế TNDN.

2.1.2. Kết luận về số thuế thiệt hại

Xác định thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của Luật Quản lý thuế và các Luật thuế như sau:

2.1.2.1. Xác định thiệt hại về thuế GTGT:

- Hành vi trốn thuế GTGT gây thiệt hại số tiền 11.977.225 đồng.

- Hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp số tiền 20.416.865 đồng.

- Công ty Venus tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tại kỳ kê khai tháng 12/2023 là: 54.985.469 đồng.

2.1.2.2. Xác định thiệt hại về thuế TNDN:

Căn cứ hồ sơ, tài liệu do cơ quan ANĐT cung cấp, từ năm 2020 đến năm 2023 không có đủ căn cứ để xác định giá trị thực tế của hàng hóa mua vào trong kỳ tương ứng với doanh thu bán ra và chi phí liên quan đến việc xuất bán hàng hoá, hoá đơn không, để xác định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; không có đủ căn cứ để ấn định thuế TNDN theo quy định, nên cơ quan thuế không có cơ sở xác định thiệt hại về thuế TNDN.

2.1.3. Kết luận về xử lý vi phạm

- Hành vi trốn thuế GTGT gây thiệt hại số tiền 11.977.225 đồng.
- Hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp số tiền 20.416.865 đồng
- Công ty Venus tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau tại kỳ kê khai tháng 12/2023 là: 54.985.469 đồng.
- Với hành vi kê khai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn.
- Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên, thì: Công ty Venus phải nộp đủ số tiền thuế GTGT trốn vào ngân sách là: 11.977.225 đồng; Trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý thuế đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự. Trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý thuế không đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì căn cứ vào mức độ vi phạm Công ty Venus bị xử phạt theo Điều 17 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn, quy định.
- Đối với hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 28 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn.
- Trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý thuế đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự được quy định tại khoản 7 Điều 136 CH XV Mục 1 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019”.

Quá trình điều tra, các bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả tổng số tiền là 766.666.000đ, trong đó bị can Vũ Hữu L tự nguyện nộp số tiền 606.000.000đ (sáu trăm L sáu triệu đồng); Trần Ngọc H nộp số tiền là 95.333.000đ (Chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); Nguyễn Thùy L nộp số tiền là 65.333.000đ (Sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Quốc T tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là: 22.875.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Nguyễn Thu H tự nguyện nộp số tiền là 11.127.000 đồng (mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng); Đinh Tiến D tự nguyện nộp số tiền là 13.423.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 110/CT-VKSPT-P1 ngày 28/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thị H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Đinh Tiến D về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P thực hành quyền công tố luận tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; hành vi của Đinh Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 219, điểm s, b, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo L, H, L).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 (đối với T, H, H), điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với T, H); điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với T);

Áp dụng khoản 1 Điều 203, điểm s, b, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 BLHS (đối với D);

Tuyên bố Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí*”

Tuyên bố Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H Đinh Tiến D phạm tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”

Xử phạt bị cáo Vũ Hữu L 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023). Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023). Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuỳ L 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Hữu L cho Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thuỳ L cho Ủy ban nhân dân phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 210.000.000đồng (Hai trăm mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu H 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét

+ Số tiền 606.000.000đ là tiền bị cáo L nộp khắc phục thiệt hại; số tiền 95.333.000đ là tiền bị cáo H nộp khắc phục thiệt hại; số tiền 65.333.000đ là tiền bị cáo L nộp khắc phục thiệt hại. Tại phiên tòa đại diện Công ty cổ phần kinh doanh than miền B xin được nhận lại, xét thấy đây là số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho Công ty cổ phần kinh doanh than miền B nên đề nghị HĐXX trả lại cho Công ty cổ phần kinh doanh than miền B.

+ 01 (một) ổ cứng nhãn hiệu Samsung 250GB, Model MZ-76E250 2020.09, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 ổ cứng nhãn hiệu WD 500GB, số S/N: WMC2E9784566, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong thu giữ tại nơi làm việc của Nguyễn Thùy L theo Biên bản khám xét ngày 09/10/2023 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) máy vi tính xách tay màu đen nhãn hiệu Dell Inspiron 15, số S/N 4Q8M0P2 đã qua sử dụng thu giữ tại nơi làm việc của Nguyễn Quốc T theo Biên bản khám xét ngày 09/10/2023 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P. Tại phiên tòa T khai đây là máy của Công ty TNHH Venus V 9 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị trả lại cho công ty. Xét thấy, đề nghị của bị cáo phù hợp với pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại máy vi tính xách tay màu đen nhãn hiệu Dell Inspiron 15 cho Công ty TNHH Venus V 9.

+ Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 354505/62/544927/7, bên trong lắp 02 sim số thuê bao: 0978450389 và 0967184888) của T, tại phiên tòa T trình bày điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo xin được trả lại cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của bị cáo phù hợp với pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với số tiền 22.875.000 đồng là tiền bị cáo T hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 11.127.000đ (Mười một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) đồng là tiền bị cáo H hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Tiền Việt Nam đồng: 13.423.000 đồng là tiền bị cáo D hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 con dấu có vỏ màu xanh, có hình chữ ký dập nổi theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 03/6/2024 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P thu của D, không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy;

Cơ quan điều tra còn thu giữ của các bị cáo một số giấy tờ liên quan đến vụ án, nên tịch thu lưu hồ sơ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đều ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất: Bị cáo L, bị cáo H, bị cáo L xin cải tạo ngoài xã hội; bị cáo T, bị cáo H, bị cáo H, bị cáo D xin phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội:

Trong thời gian được Công ty than miền B bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty than V, quá trình hoạt động kinh doanh và điều hành tại Công ty than V, do muốn nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên của Công ty than V và mở rộng quan hệ ngoại giao nhằm tìm kiếm đối tác, phát triển thị trường cho Công ty kinh doanh than V nên Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H và Nguyễn Thuỳ L thiết lập các hợp đồng, chứng từ, hoá đơn không một phần hoặc không toàn bộ (Hoá đơn ghi tăng giá trị hàng hoá dịch vụ hoặc không có hàng hoá dịch vụ kèm theo) để sử dụng nhằm mục đích lấy chứng từ rút tiền từ nguồn kinh phí hoạt động của Công ty than V chỉ trả, bù đắp cho các khoản chi ngoài quy định, vượt quá định mức theo Quyết định số 1017/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2013 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 650/QĐ-TMB ngày 10/5/2022 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty than Miền B.

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến hết năm 2022, Vũ Hữu L đã chỉ đạo Trần Ngọc H thiết lập các hợp đồng, chứng từ, hoá đơn không một phần hoặc không toàn bộ để hợp thức các khoản chi đó. Sau đó Trần Ngọc H đã liên hệ, bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận với Nguyễn Quốc T để lập và ký các hợp đồng, chứng từ, hóa đơn không một phần hoặc không toàn bộ (hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc không có hàng hóa dịch vụ kèm theo), với nội dung Công ty than V mua hàng, hoặc

thuê dịch vụ chế biến, bốc xếp, sàng rửa chế biến than của Công ty Venus. Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến ngày 31/7/2021. Nguyễn Quốc T đã thực hiện việc thanh toán, xuất cho Công ty than V là 08 tờ hóa đơn không với tổng doanh số là 479.106.425đ (*bốn trăm chín mươi bảy triệu một trăm L sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó doanh số xuất không là 473.400.483đ (*bốn trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng*), giá trị hàng hoá thực tế là 5.705.942 đồng (*năm triệu bảy trăm L năm nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*). Nguyễn Quốc T hưởng lợi số tiền 22.871.000đ, chuyển lại cho H số tiền là 450.529.383đ H đã sử dụng số tiền này theo sự chỉ đạo của L để bù trừ cho các khoản đã chi không đúng quy định tại Công ty than V.

Vũ Hữu L chỉ đạo Trần Ngọc H và Nguyễn Thùy L liên hệ mua hóa đơn “không” (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo hoặc ghi tăng giá trị hàng hóa mua vào) và sử dụng hoá đơn của các đơn vị: Hộ kinh doanh Đinh Tiến D (19 tờ); Hộ kinh doanh Dương Thị Lượng (02 tờ); Công ty TNHH hai thành viên tH mại Hùng Vương (03 tờ); Công ty TNHH tH mại và dịch vụ Việt Blue (01 tờ); Công ty TNHH dịch vụ và tH mại Dương Lợi (01 tờ); Doanh nghiệp tư nhân Thanh Yên (01 tờ); Hộ kinh doanh Trương Xuân T (01 tờ); Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc B (02 tờ); Công ty cổ phần BLN (01 tờ); Công ty TNHH tH mại P (01 tờ); Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ - TH mại P (03 tờ); Công ty TNHH Gốm sứ H (01 tờ) để hạch toán vào chi phí của Công ty than V. Nguyễn Thùy L đã thiết lập 36 bộ chứng từ, hóa đơn không một phần hoặc không toàn bộ (hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) với tổng doanh số là 904.731.228đ; doanh số xuất không là 647.287.631đ, chi phí mua hóa đơn là 33.273.343đ để sử dụng nhằm mục đích lấy chứng từ rút tổng số tiền 647.287.631đ từ Công ty than V chi trả, bù đắp cho các khoản mà H, L đã chi không đúng quy định tại Công ty than V.

Như vậy, Vũ Hữu L với vai trò là Giám đốc, quản lý và chịu trách nhiệm toàn diện mọi mặt hoạt động của Công ty than V đã chỉ đạo Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L thiết lập 44 bộ chứng từ thanh toán không đúng thực tế để rút tiền từ nguồn kinh phí hoạt động của Công ty than V để chi phí trái phép, gây thất thoát lãng phí cho Công ty than Miền B tổng số tiền là 1.153.961.457 đồng (trong đó vốn Nhà nước trong công ty than Miền B là 67,44%), do vậy số tiền mà Vũ Hữu L gây thất thoát cho Nhà nước phải chịu trách nhiệm hình sự là 778.231.606 đ (*bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn sáu trăm L sáu đồng*);

Trần Ngọc H với vai trò là kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính - Công ty than V, có chức năng nhiệm vụ thực hiện các thủ tục về hoá đơn, chứng từ; theo dõi quản lý tài chính, tài sản, công nợ; kiểm tra, rà soát các chi phí phát sinh, trình ký chứng từ thanh toán và chỉ đạo hoạt động của bộ phận kế toán. Trần Ngọc H đã tiếp nhận chỉ đạo của Vũ Hữu L trực tiếp thiết lập, ký 08 bộ chứng từ thanh toán không đúng thực tế và ký 36 bộ chứng từ thanh toán do Nguyễn Thùy L thiết lập, tổng số là 44 bộ chứng từ thanh toán, để rút tiền từ Công ty than V để chi phí trái phép. Toàn bộ số tiền được rút ra, Trần Ngọc H là người trực tiếp sử dụng hoặc chỉ đạo Nguyễn Thùy L bù trừ cho các chi phí ngoài sổ sách kế toán gây thất thoát 1.153.961.457 đồng

(một tỷ một trăm năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng), trong đó vốn Nhà nước trong công ty than Miền B là 67,44%. Do vậy, số tiền mà Trần Ngọc H gây thất thoát cho Nhà nước phải chịu trách nhiệm hình sự là 778.231.606 đ (bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn sáu trăm L sáu đồng).

Nguyễn Thuỳ L là nhân viên Phòng tổ chức hành chính - Công ty than V, có chức năng, nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính, văn thư, thanh quyết toán hoá đơn, chứng từ, chi trả lương, chế độ bảo hiểm cho người lao động. Theo chỉ đạo và tiếp nhận chỉ đạo của Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L đã trực tiếp vận dụng, thiết lập, ký 36 bộ chứng từ thanh toán không đúng thực tế để rút tiền từ Công ty than V để chi phí trái phép. Toàn bộ số tiền được rút ra, L là người trực tiếp sử dụng hoặc chuyển cho Trần Ngọc H sử dụng, bù trừ cho các chi phí ngoài sổ sách kế toán, gây thất thoát tổng số tiền 680.560.974đ (sáu trăm tám mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Hành vi làm trái các quy định nêu trên của Vũ Hữu L, Trần Ngọc H đã gây thất thoát cho Công ty than Miền B tổng số tiền là 1.153.961.457 đồng. Trong đó tài sản Nhà nước tại Công ty than Miền B là 67,44% nên số tiền gây thất thoát cho ngân sách nhà nước được xác định là 778.231.606 đồng. Nguyễn Thuỳ L đã gây thất thoát cho Công ty than Miền B số tiền 680.560.974đ (trong đó tài sản Nhà nước là 458.970.321đ). Do vậy, Vũ Hữu L, Trần Ngọc H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền gây thất thoát của Nhà nước số tiền là 778.231.606 đ (bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn sáu trăm L sáu đồng). Nguyễn Thuỳ L phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền gây thất thoát là 458.970.321đ. Hành vi của bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Nguyễn Quốc T- Giám Đốc công ty TNHH Venus V đã xuất 08 tờ hóa đơn GTGT không có dịch vụ hàng hoá kèm theo và ghi tăng giá trị hàng hoá cho Công ty than V, Nguyễn Quốc T hưởng lợi số tiền 22.871.000đ (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng). Ngoài ra, Nguyễn Quốc T đã chỉ đạo Hoàng Thị Thu H - Kế toán Công ty TNHH Venus V mua hóa đơn GTGT để quyết toán, hợp thức cho các chi phí phát sinh không có hóa đơn, chứng từ, không hạch toán được như: Tiền sửa chữa, tiền vật tư máy móc, tiền mua các pH tiện, dụng cụ lẻ tại Cửa hàng, tiền mặt rút ra đưa cho Trần Ngọc H. Hoàng Thị Thu H đã liên hệ với Nguyễn Thu H - Nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P và mua 60 hóa đơn GTGT “không” với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 502.627.210đ (năm trăm L hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười đồng), (có 45 hóa đơn đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và 15 hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa). Trong đó giá trị hàng hóa thực tế (đã tính thuế GTGT) là 156.859.280đ, tổng tiền không theo các hóa đơn là 345.767.930đ (tiền hàng là 314.334.482đ, tiền thuế GTGT là 31.433.448đ). Toàn bộ 60 hóa đơn GTGT “không” này Công ty Venus đã kê khai và hạch toán thuế với cơ quan thuế theo quy định.

Đối với hành vi trốn thuế GTGT gây thiệt hại số tiền 11.977.225đ và hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp số tiền là 20.416.865đ của Nguyễn Quốc T, chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự. Cơ quan An ninh điều tra có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực Tam Đảo, tỉnh V xem xét xử phạt vi phạm hành chính.

Nguyễn Thu H có hành vi xuất 60 hóa đơn GTGT “khống” với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 502.627.210đ (*năm trăm L hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười đồng*), (có 45 hóa đơn đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và 15 hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa) Trong đó giá trị hàng hóa thực tế (đã tính thuế GTGT) là 156.859.280đ, tổng tiền khống theo các hóa đơn là 345.767.930đ (tiền hàng là 314.334.482đ, tiền thuế GTGT là 31.433.448đ) cho Công ty TNHH Venus V. Nguyễn Thu H thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn là 11.125.000đ (*Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Toàn bộ hoá đơn này, Công ty Thuy Dương đã kê khai và hạch toán với cơ quan thuế theo quy định.

Đinh Tiến D có hành vi xuất bán hóa đơn “khống” là 19 tờ, gồm 12 tờ hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và 07 tờ hóa đơn ghi tăng giá trị hàng hóa, với tổng doanh số là 416.772.820đ (giá trị ghi khống là 391.177.820đ, tiền hàng hóa thực tế là 20.850.254đ) cho Công ty than V. Toàn bộ 19 hóa đơn GTGT “khống” này Hộ kinh doanh Đinh Tiến D đã kê khai và hạch toán thuế với cơ quan thuế theo quy định. D hưởng lợi bất chính số tiền là 13.422.543đ.

Hành vi của Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; hành vi của Đinh Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí của bị cáo L, bị cáo H, bị cáo L.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo L, H, L là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Vũ Hữu L là giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hoạt động của Công ty, là người chỉ đạo trực tiếp đối với bị cáo H, bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo L phải chịu hình phạt cao nhất trong ba bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục toàn bộ hậu quả do mình gây ra, bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm liền được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bố bị cáo được Hội cựu giáo chức tỉnh Quảng Ninh vinh danh nhà giáo vùng mỏ, bố mẹ bị cáo đều được tặng danh hiệu 30 năm tuổi

đảng, vợ bị cáo nhiều năm liền được Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, nên bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 BLHS, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung, áp dụng Điều 65 cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Trần Ngọc H và bị cáo Nguyễn Thuý L cả 02 bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của bị cáo L. Do vậy, 02 bị cáo sẽ chịu hình phạt nhẹ hơn bị cáo L. Bị cáo H là kế toán trưởng của công ty, bị cáo L nhân viên phòng hành chính cả hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, bị cáo H là kế toán trưởng vai trò quan trọng hơn bị cáo L. Do vậy, bị cáo H chịu hình phạt cao hơn bị cáo L. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cả 2 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục toàn bộ hậu quả, các bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm liền được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bố bị cáo H được bộ trưởng bộ quốc phòng tặng bằng khen, vợ bị cáo được hiệu trưởng trường đại học hùng vương tặng giấy khen đạt giải ba hội giảng cấp trường, nên bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Mẹ đẻ bị cáo L được bộ trưởng bộ công nghiệp tặng huy chương vì sự nghiệp phát triển công nghiệp; tập đoàn than - khoáng sản Việt Nam tặng huy hiệu thợ mỏ vẻ vang hạng nhì, chồng bị cáo L được công ty cổ phần kinh doanh than miền B tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua năm 2019, nên bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Cả 02 bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 BLHS, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 cho các bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung, áp dụng Điều 65 cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với hành vi “*Mua bán trái phép hoá đơn*” các bị cáo Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H, Đinh Tiến D. Hội đồng xét xử nhận định:

Hành vi của Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H, Đinh Tiến D là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ quản lý hoá đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Khi quyết định hình phạt cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo T có là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra còn chỉ đạo bị cáo H, H cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H, H thực hiện hành vi dưới sự chỉ đạo của bị cáo T. 3 bị cáo T, H, H cùng truy tố khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Do vậy, T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H và bị cáo H. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cả 03 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn

năn hồi cải: Bị cáo T, bị cáo H, đã tự khắc phục toàn bộ thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo T nhiều năm được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, được tập đoàn tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tập đoàn năm 2012, huy hiệu thợ mỏ vẻ vang. Ngoài ra bố đẻ bị cáo được huy CH kháng chiến hạng nhì, huy CH vì sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có bố chồng thường binh và được chủ tịch nước tặng huân CH kháng chiến hạng ba, nên bị cáo H được hưởng thêm tính tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có mẹ chồng là người có công với cách mạng được tặng Huân CH kháng chiến hạng nhì, nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 35 cho các bị cáo hưởng hình phạt tiền cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo D bị truy tố khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b, i khoản 1 Điều 51 BLHS; Ngoài ra ông nội bị cáo được tặng huy CH kháng chiến hạng nhất, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 35 cho các bị cáo hưởng hình phạt tiền cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với các đối tượng liên quan thuộc Công ty kinh doanh than V có hành vi ký giấy tờ, chứng từ, gồm:

Nguyễn Khắc T là Phó Giám đốc Công ty kinh doanh than V, đồng thời là Cửa hàng trưởng Cửa hàng than V đã ký 07 bộ hồ sơ chế biến, pha trộn than, mỗi bộ hồ sơ gồm có: PH án chế biến/PH án pha trộn than; Biên bản quyết toán PH án pha trộn; Biên bản nghiệm thu, chế biến, pha trộn; Phiếu xuất kho và Phiếu Nhập kho. Ngoài ra, Nguyễn Khắc T còn ký 04 Biên bản xác nhận vận chuyển bốc xếp, vận chuyển làm cơ sở để Trần Ngọc H làm chứng từ thanh toán và mua 04 hóa đơn khống của Công ty TNHH Venus V

Trần Quyết T là Phó Phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty kinh doanh than V đã ký các bản PH án chế biến/PH án pha trộn than; Biên bản quyết toán PH án pha trộn có trong 07 bộ hồ sơ chế biến, pha trộn than. Tham gia ký nháy vào Hợp đồng về việc thuê vận chuyển, bốc xếp, sàng tuyển than giữa Công ty kinh doanh than V và Công ty TNHH Venus V.

Ngô Thị Thu H là Phó Phòng Tổ chức hành chính - Công ty kinh doanh than V đã ký giấy đề nghị chuyển khoản/thanh toán, tờ trình, kế hoạch trang bị (nếu có), bảng kê nhận trang bị/văn phòng phẩm/quà... Ngô Thị Thu H là cấp trên phụ trách trực tiếp của Nguyễn Thùy L, Ngô Thị Thu H ký giấy tờ do Nguyễn Thùy L trình ký.

Tuy nhiên, cả T, T, H không được L, H, L trao đổi, bàn bạc, thống nhất việc mua hóa đơn khống, ghi tăng giá trị hóa đơn và việc sử dụng nguồn tiền rút ra được từ Công ty kinh doanh than V gây thất thoát lãng phí. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý về hình sự là phù hợp với pháp luật.

Đối với các đối tượng khác, gồm: Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Mạnh T, Lê Thị P H T

Toàn bộ các hợp đồng, chứng từ thanh toán, biên bản, giấy tờ kèm theo bộ chứng từ thanh toán nêu trên đều do Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L lập và đề nghị những người này ký. L và H không bàn bạc, trao đổi, thống nhất với những người này về lý do, mục đích ký chứng từ cũng như không trao đổi, bàn bạc về việc sử dụng số tiền rút ra được từ Công ty than V. Hành vi của những người có liên quan này giản đơn, với mục đích phục vụ hoạt động của công ty, không vụ lợi cho bản thân, có vai trò thứ yếu, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không phải đồng phạm với Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L nên Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp với pháp luật.

Đối với các đối tượng liên quan hành vi mua bán trái phép hóa đơn

Đối với các đối tượng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh nơi Nguyễn Thùy L mua hóa đơn

Cơ quan An ninh điều tra đã triệu tập, làm việc với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh nơi Nguyễn Thùy L mua hóa đơn. Tuy nhiên, Nguyễn Thùy L không trực tiếp làm việc, trao đổi với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh mà chỉ trao đổi với nhân viên của doanh nghiệp, hộ kinh doanh này và chuyển Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu, chứng từ... thông qua nhân viên để lấy chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh. Đến nay, L không nhớ là đã trao đổi với nhân viên nào và nhận tiền từ nhân viên nào, đồng thời những người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh này đều không thừa nhận việc bán hóa đơn cho Nguyễn Thùy L mà đều khẳng định giao dịch theo đúng giá trị hợp đồng, hóa đơn. Ngoài ra, Nguyễn Thùy L còn thực hiện việc mua hàng hóa dùng cá nhân, gia đình để lấy hóa đơn cho Công ty kinh doanh than V. Không xác định được mối liên kết giữa tiền do Công ty kinh doanh than V chuyển đến tài khoản của các Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh và tiền mặt Nguyễn Thùy L nhận về. Số lượng Hóa đơn Nguyễn Thùy L mua nhỏ (dưới 10 Hóa đơn). Hàng hóa, dịch vụ theo nội dung hóa đơn là có thực tế sử dụng tại Công ty than V hoặc Nguyễn Thùy L, Trần Ngọc H mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ cho cá nhân mà lại đề nghị xuất hóa đơn cho Công ty kinh doanh than V. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đều đã kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với phần giá bán chênh lên. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý đối với các doanh nghiệp, Hộ kinh doanh này về hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu - Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P và Đặng Thị Anh Hà - Cửa hàng trưởng Cây xăng Thụy Dương

Nguyễn Thị Thu - Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P giao cho Nguyễn Thu H quản lý, sử dụng chữ ký điện tử (USB Token) của Chi

nhánh Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P để sử dụng tại Cây xăng Thụy Dương phục vụ việc xuất hóa đơn cho khách hàng theo quy định. Toàn bộ hóa đơn điện tử xuất ra do Nguyễn Thu H tự ý thực hiện, không báo cáo, không trao đổi, bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Thị Thu và Đặng Thị Anh Hà. Nguyễn Thị Thu và Đặng Thị Anh Hà không biết việc Nguyễn Thu H thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn cho Hoàng Thị Thu H, không tham gia giúp sức gì cho Nguyễn Thu H và không được hưởng lợi gì. Do vậy Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý gì đối với Nguyễn Thị Thu và Đặng Thị Anh Hà.

Về trách nhiệm của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B

Hành vi “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí*” xảy ra tại Công ty kinh doanh than Vdo các bị can Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L cùng bàn bạc, trao đổi, thống nhất thực hiện trong thời gian từ tháng 9/2020 đến hết năm 2022. Trong thời gian này, hàng năm, Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B đã tổ chức các đơn vị kiểm toán độc lập để xem xét, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong quản lý và sử dụng tài sản tại Công ty kinh doanh than V, tuy nhiên các đơn vị kiểm toán độc lập không phát hiện sai phạm bởi Công ty kinh doanh than V đã sử dụng các chứng từ đã được hợp thức, hợp lý hóa trong hồ sơ thanh quyết toán. Mặt khác, Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L không báo cáo các khoản chi thực tế này với Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B và không có đơn thư, kiến nghị, phản ánh gì gửi về Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B. Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B đã ban hành đầy đủ điều lệ công ty, các quy định về hoạt động kinh doanh than, quy chế quản lý tài chính, sử dụng tài sản... Do vậy, xác định Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền B đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ được giao nên Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo L, H, L có tài sản, nhưng đều là tài sản chung của vợ chồng, các bị cáo T, H, H, D không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền mà các bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thùy L gây thất thoát, lãng phí là 1.153.961.457 đồng (bao gồm cả khoản tiền thất thoát của các cổ đông của công ty và tiền thất thoát của nhà nước là 778.231.606 đồng). Trong đó, khoản tiền chi mua trái phép hóa đơn tổng số là 56.144.443 đồng (đã được thu hồi 22.871.100 đ + 13.422.543 đồng do Nguyễn Quốc T và Đinh Tiến D nộp lại). Sau khi trừ đi khoản tiền 56.144.443 đồng bị cáo L, bị cáo H, bị cáo L còn phải nộp lại 722.087.163 đồng là tiền các bị cáo gây thiệt hại cho Công ty than Miền B. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả 766.672.457 đ. Trong số tiền này bao gồm cả một phần tiền thất thoát của các cổ đông Công ty than Miền B. Tại phiên tòa đại diện công ty than miền B đề nghị được nhận lại số tiền trên, các bị cáo đồng ý không có ý kiến gì. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trả lại cho công ty than miền B toàn bộ số tiền 766.672.457 đ

Số tiền Nguyễn Quốc T hưởng lợi số tiền 22.871.000 đ (*hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Nguyễn Thu H có hành vi xuất 60 hóa đơn GTGT “khống” thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn là 11.125.000đ (*Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Đinh Tiến D có hành vi xuất bán hóa đơn “khống” hưởng lợi bất chính số tiền là 13.422.543đ.

Toàn bộ số tiền bị cáo T, H, D hưởng lợi tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng được xử lý như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P

Trước khi xét xử các bị cáo Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H mỗi bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự 200.000.000đồng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 219, điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo L, H, L).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 (đối với T, H, H), điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với T, H); điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với T);

Áp dụng khoản 1 Điều 203, điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 BLHS (đối với D);

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47BLHS; điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS.

Tuyên bố Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L phạm tội: “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí*”

Tuyên bố Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H, Đinh Tiến D phạm tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”.

[1]. Về hình phạt chính

Xử phạt bị cáo Vũ Hữu L 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023). Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/10/2023 đến ngày 16/10/2023). Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuỳ L 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Hữu L cho Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thuỳ L cho Ủy ban nhân dân phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 210.000.000đồng (Hai trăm mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu H 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[3]. Về trách nhiệm dân sự

Trả lại cho Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B số tiền 766.672.457đ (bảy trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm năm bảy đồng) là số tiền các bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L gây thất thoát cho Công ty cổ phần kinh doanh than Miền B (xác nhận các bị cáo đã nộp).

Tích thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Quốc T hưởng lợi 22.871.000đ (*hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Tích thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Thu H thu lợi bất chính từ việc bán hoá đơn là 11.125.000đ (*Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Tích thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Đinh Tiến D hưởng lợi bất chính số tiền là 13.422.543đ (*mười ba triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng*).

(Số tiền các bị cáo đã nộp hiện đang có trong tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh P do Công an tỉnh chuyển sang)

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Quốc T, bị cáo Hoàng Thị Thu H, bị cáo Nguyễn Thu H mỗi bị cáo 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) bị cáo Nguyễn Quốc T nộp trước khi xét xử tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P theo biên lai số 0000628 ngày 08/01/2025; bị cáo Hoàng Thị Thu H nộp trước khi xét xử tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P theo biên lai số 0000627 ngày 08/01/2025; bị cáo Nguyễn Thu H nộp trước khi xét xử tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P theo biên lai số 0000629 ngày 08/01/2025).

[4]. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ cứng nhãn hiệu Samsung 250GB, Model MZ-76E250 2020.09, đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 ổ cứng nhãn hiệu WD 500GB, số S/N: WMC2E9784566, đã sử dụng.

+ Trả lại cho Công ty TNHH Venus V 9.01 (một) máy vi tính xách tay màu đen nhãn hiệu Dell Inspiron 15, số S/N 4Q8M0P2

+ Trả lại cho Nguyễn Quốc T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 354505/62/544927/7, bên trong lắp 02 sim số thuê bao: 0978450389 và 0967184888)

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dấu có vỏ màu xanh, có hình chữ ký dập nổi (Vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2024)

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 quyển sổ theo dõi việc mua bán xăng, dầu giữa Công ty TNHH Venus V và Công ty xăng dầu Thụy Dương (29 tờ có chữ viết tay của Hoàng Thị Thu H - Kế toán Công ty TNHH Venus V) theo Biên bản làm việc ngày 03/8/2023 của Phòng An ninh kinh tế - Công an tỉnh P;

+ Lưu hồ sơ vụ án một tập tài liệu gồm hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp; Điều lệ công ty TNHH Venus V; Hợp đồng mua bán và chứng từ kèm theo giữa Công ty TNHH Venus V và Công ty CP Công nghiệp Á Mỹ, các hóa đơn GTGT và chứng từ kèm theo; Hợp đồng mua bán và chứng từ kèm theo giữa Công ty TNHH Venus V và Công ty kinh doanh than V, các hóa đơn GTGT và chứng từ kèm theo; Hóa đơn GTGT Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu Thụy Dương xuất cho Công ty TNHH Venus V và chứng từ thanh toán kèm theo, tổng số gồm 271 tờ (toàn bộ là bản phô tô), có đóng dấu treo xác nhận của Công ty TNHH Venus V trên từng tờ, được đánh số từ 01 đến 271 theo Yêu cầu Cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 133/YC-ANĐT, ngày 15/11/2023 và Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 17/11/2024 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P;

+ Lưu hồ sơ vụ án; 13 tờ giấy A4 in ra từ ổ cứng nhãn hiệu Samsung 250GB, Model MZ-76E250 2020.09 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thùy L trên từng trang và 97 tờ giấy A4 in ra từ ổ cứng nhãn hiệu WD 500GB, số S/N: WMC2E9784566 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thùy L trên từng trang theo Biên bản làm việc về nội dung kiểm tra, in một số tài liệu lưu trữ trong các ổ cứng máy vi tính bị tạm giữ khi khám xét ngày 08/10/2024 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P;

+ Lưu hồ sơ vụ án. 01 Quyển sổ theo dõi bán hàng, ngoài bìa có ghi nội dung “Anh L Venus” gồm 10 tờ có nội dung chữ viết, số theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 04/8/2023 của Phòng An ninh kinh tế - Công an tỉnh P;

+ Lưu hồ sơ vụ án 90 tờ Hóa đơn Giá trị gia tăng (là hóa đơn điện tử được in ra giấy) của Chi nhánh Công ty cổ phần xăng dầu Thụy Dương tại P xuất cho người mua là Công ty TNHH Venus V, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thu H trên từng tờ theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 01/11/2023 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Hữu L, Trần Ngọc H, Nguyễn Thuỳ L, Nguyễn Quốc T, Hoàng Thị Thu H, Nguyễn Thu H Đình Tiến D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

."Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Công an tỉnh P;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- UBND P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai
- UBND P. Tiên Cát, TP. V
- UBND P. Bến Gót, TP. V
- UBND xã Trung Vương, TP. V
- UBND xã Thanh Vân, H. Tam Dương
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Bích Lược